

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 452/2025/DS-PT

Ngày 13-8-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán

Ông Đặng Văn Những

Ông Đinh Tiền Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thuỳ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 265/2025/TLPT-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Bến Lức (nay là khu vực 4 – Tây Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 343/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: Số B, Ấp G, xã L, tỉnh Tây Ninh (trước đây là Số B, Ấp G, xã L, huyện B, tỉnh Long An).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1954. Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã L, tỉnh Tây Ninh (trước đây là Ấp G, xã L, huyện B, tỉnh Long An).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Lâm N, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã L, tỉnh Tây Ninh (trước đây là Ấp G, xã L, huyện B, tỉnh Long An).

2. Chị Nguyễn Thị Lâm T1, sinh năm 1976. Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã L, tỉnh Tây Ninh (trước đây là Ấp G, xã L, huyện B, tỉnh Long An).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Thanh T là nguyên đơn.
(*Bà T có mặt, những người tham gia tố tụng khác vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày như sau:

Ngày 07/10/2001, bà T có cho ông Nguyễn Văn B, vợ là Lâm Thị Ái H (đã chết năm 2019) và con Nguyễn Lâm N vay số tiền là 13.300.000đ, mục đích vay là để làm ăn, lãi suất 36%/năm, chỉ thoả thuận trả lãi hàng tháng, không thoả thuận thời hạn trả nợ gốc, khi nào cần báo thì gia đình ông B trả lại. Sau khi vay ông B, bà H và anh N bỏ đi khỏi địa phương, đi đâu bà T không biết nên không đòi nợ được. Nay ông B và anh N đã về địa phương nên bà T yêu cầu trả số tiền đã vay và lãi suất. Khi vay mượn các bên không lập hợp đồng do tin tưởng, là hàng xóm. Vào ngày 26/3/2024 bà T gặp anh N và ông B, đã ghi âm lại cuộc hội thoại có nội dung hai người này đã thừa nhận là có nợ tiền bà T và lập vi bằng làm chứng cứ.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Lâm N liên đới trả cho bà T số tiền gốc là 13.300.000đ, lãi phát sinh tạm tính đến ngày 07/10/2024 là 61.180.000đ (20%/năm). Tổng cộng: 74.480.000đ. Ngoài ra bà T yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Lâm N thống nhất trình bày:

Bà H chết năm 2019, có chồng là Nguyễn Văn B và 02 người con là anh Nguyễn Lâm N và chị Nguyễn Thị Lâm T1. Ông B và anh N xác định không biết việc bà H có vay tiền của bà T hay không. Riêng ông B và anh N không vay khoản tiền nào của bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông B và anh N trả nợ là không có cơ sở nên không đồng ý.

Anh N và ông B xác định giọng nói trong Vi bằng số 348/2024/Vib-TPL.LA do bà T cung cấp là của ông B và anh N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Lâm T1 trình bày:

Chị T1 không biết và không chứng kiến việc bà H vay tiền bà T. Trong vụ án chị không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cho rằng bà T thoả thuận cho bà H vay tổng số tiền 13.300.000đ, chia thành nhiều lần, mỗi lần vay đều có sự chứng kiến của các thành viên trong gia đình bà H, cụ thể: Ngày 21/7/2001, bà T cho bà H vay số tiền 4.000.000đ, ngày 25/7/2001, bà T cho bà H và ông B vay số tiền 3.000.000đ, 02 lần này chị T1 đều chứng kiến. Ngày 31/7/2001, bà T cho bà H vay số tiền 3.000.000đ, anh N là người chứng kiến kiểm đếm. Ngày 06/10/2001, bà T cho bà H vay 2.000.000đ. Số tiền 1.300.000đ là do bà H nhờ bà T chơi hụi giữ.

Bị đơn ông B vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh N giữ nguyên lời trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại” đối với bị đơn ông Nguyễn Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Lâm N.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 06/5/2025, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức nhận được đơn kháng của bà Nguyễn Thị Thanh T là nguyên đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng thời vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo nằm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh T cho rằng từ năm 2001 bà có nhiều lần cho bà Lâm Thị Ái H, ông Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Lâm N vay tổng số tiền 13.300.000đ, không lập văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng. Tuy nhiên, bà H đã chết năm 2019, ông B và anh N đều không thừa nhận có vay tiền của bà T, cũng không thừa nhận việc biết hay chứng kiến bà H vay tiền.

Đối với Vi bằng số 348/2024/ViB-TPL.LA do bà T cung cấp, nội dung chỉ thể hiện anh N có đề cập đến việc “mẹ có nợ” nhưng không xác định được cụ thể số tiền, không đủ cơ sở chứng minh việc vay nợ như bà T trình bày. Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chưa đảm bảo để xác định có việc vay nợ giữa bà H, ông B, anh N với bà T. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà T kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Bà T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Lâm N trả số tiền 13.300.000đ mà bà cho rằng ông B, bà H và anh N đã vay của bà nhiều lần trong năm 2001. Tuy nhiên, bà T xác định việc vay mượn chỉ được thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản. Trong khi đó, bà Lâm Thị Ái H đã chết từ năm 2019, không có lời khai xác nhận có vay nợ; ông B và anh N kiên quyết cho rằng họ không vay tiền, còn việc bà H có vay hay không thì họ không biết.

[5] Để chứng minh, bà T cung cấp Vi bằng số 348/2024/ViB-TPL.LA do Văn phòng T2 lập ngày 01/7/2024, trích từ cuộc ghi âm giữa bà T, ông B và anh N. Nội dung vi bằng thể hiện anh N có nói: *“nhiều khi em muốn gặp chị nói ở mẹ em thiếu bao nhiêu á, thì chị cộng hết chị lấy bao nhiêu, để em bán được cái nhà rồi em trả cho hai cha con đi làm... đâu có tiếp xúc được với nhau đâu mà trao đổi”*. Hội đồng xét xử thấy rằng, phát ngôn này chỉ thể hiện sự suy đoán, mong muốn giải quyết trong hòa khí chứ không phải là sự thừa nhận có nợ. Anh N cũng xác định mình không vay mượn, không chứng kiến việc vay, không biết bà H nợ bà T bao nhiêu.

[6] Như vậy, vi bằng mà bà T cung cấp không phải là chứng cứ trực tiếp chứng minh có việc vay mượn. Ngoài vi bằng trên, bà T cũng không xuất trình được chứng cứ nào khác như giấy tờ, người làm chứng độc lập để chứng minh việc vay. Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Nguyên đơn không chứng minh được việc giao nhận tiền vay, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[7] Từ những phân tích trên, nguyên đơn kháng cáo nhưng không chứng minh được yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ký kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Bến Lức.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 148 và 483 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 615 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26 và 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại” đối với bị đơn ông Nguyễn Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Lâm N; cụ thể: Yêu cầu ông Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Lâm N trả số tiền 13.300.000đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí là 3.724.000đ. Khấu trừ tiền tạm ứng bà T đã nộp là 1.862.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007148 ngày 22/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức. Bà T còn phải nộp tiếp 1.862.000đ. Ông Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Lâm N không phải chịu án phí.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0007730 ngày 06/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An; bà T nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 4 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc

